

TÀI LIỆU ĐẶC TẢ API KẾT NỐI HỆ THỐNG SMS GATEWAY

Mô tả chung:

Tài liệu mô tả kết nối kỹ thuật với hệ thống SMS Gateway dành cho các doanh nghiệp hoặc CP để gửi tin nhắn Chăm sóc khách hàng (CSKH) và tin nhắn Quảng cáo (QC).

Mô tả hàm kết nối:

- Phương thức kết nối: Webservice (soap)
- Đường truyền: Internet public hoặc Internet VPN, yêu cầu băng thông tối thiểu 2 Mps.
- Cơ chế xác thực: xác thực bằng IP và tài khoản đăng nhập username/password.
- Địa chỉ URL của Webservice:

<http://g3g4.vn:8008/smsws/services/SendMT?wsdl>

Tên hàm: **insertSMS**

```
<xs:element name="insertSMS">
  <xs:complexType>
    <xs:sequence>
      <xs:element minOccurs="0" name="username" nillable="true" type="xs:string"/>
      <xs:element minOccurs="0" name="password" nillable="true" type="xs:string"/>
      <xs:element minOccurs="0" name="receiver" nillable="true" type="xs:string"/>
      <xs:element minOccurs="0" name="content" nillable="true" type="xs:string"/>
      <xs:element minOccurs="0" name="loaisp" type="xs:int"/>
      <xs:element minOccurs="0" name="brandname" nillable="true" type="xs:string"/>
      <xs:element minOccurs="0" name="isUnicode" type="xs:int"/>
      <xs:element minOccurs="0" name="target" nillable="true" type="xs:string"/>
    </xs:sequence>
  </xs:complexType>
</xs:element>
<xs:element name="insertSMSResponse">
  <xs:complexType>
    <xs:sequence>
      <xs:element minOccurs="0" name="return" nillable="true" type="xs:string"/>
    </xs:sequence>
  </xs:complexType>
</xs:element>
```

Chi tiết các tham số:

Bảng 1: Input:

TT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	username *	String	Tên truy cập
2	password *	String	Mật khẩu
3	receiver *	String	Thuê bao nhận đúng chuẩn số di động và không có khoảng trắng
4	content *	String	Nội dung tin nhắn. Đối với tin nhắn brandname: + Tin nhắn không dấu: tin nhắn CSKH độ dài không vượt quá 612 ký tự. + Tin nhắn có dấu: hiện hỗ trợ 3 mạng MOBI, VINA, VT với độ dài tối đa 335 ký tự. <i>Chú ý: Cách tính số bản tin ghi ở phía dưới</i>
5	loaisp *	Int	Loại tin thuộc một trong các giá trị sau: 1: Tin CSKH gửi từ đầu số ngắn (không áp dụng cho hướng mạng Viettel, Vietnammobile) 2: Tin CSKH gửi từ brandname 24: Tin CSKH gửi từ đầu số dài
6	brandname	String	Giá trị brandname tùy thuộc theo loại tin như sau: Loaisp=2: brandname là alias đối tác đã đăng ký Loaisp = 1, 24: brandname bỏ trống
7	isUnicode	Int	0: Tin nhắn không dấu. 1: Tin nhắn tiếng việt có dấu.
8	target *	String	ID tin nhắn của hệ thống phía đối tác, không được trùng nhau trong các request, độ dài tối đa 90 ký tự.

Bảng 2: Output:

TT	Tên tham số	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	Response	String	Kết quả gửi tin

Trong đó:

- Response: Kết quả của việc gửi tin
- “0|...”: Xem bảng mã lỗi

Bảng 3: Mã lỗi:

Mã lỗi	Mô tả
0	Success
1	Username or Password is null
2	Lỗi xác thực (Sai mật khẩu hoặc IP hoặc User bị khóa hoặc User không tồn tại)
3	Receiver is null
4	Invalid receiver
5	Target is null
6	Error: <chi tiết lỗi gửi tin>
99	Lỗi hệ thống

Lưu ý: Độ dài bản tin:

Việc tính độ dài bản tin dựa vào tham số isUnicode để xác định loại tin là không dấu hay có dấu

- Tin nhắn không dấu

Hệ thống hỗ trợ gửi tin nhắn dài hơn 160 ký tự bao gồm cả khoảng trắng (phím Space), cách tính cước khi đối soát như sau:

- Độ dài 1 – 160 ký tự: 01 tin nhắn
- Độ dài 161 – 306 ký tự: 02 tin nhắn
- Từ ký tự thứ 307, cứ 153 ký tự tính thêm 01 tin nhắn.

- Tin nhắn có dấu:

01 tin nhắn (SMS) gửi đi sẽ được giới hạn trong 70 ký tự bao gồm cả khoảng trắng (phím Space).

Nếu nội dung vượt quá 70 ký tự bao gồm cả khoảng trắng (phím Space) hệ thống sẽ xác định số lượng bản tin phát sinh thêm 01 (một) tin nữa theo quy tắc sau:

- Độ dài bản tin ≤ 70 ký tự là 1 bản tin.

- Độ dài >70 ký tự tính bằng công thức:

$$KQ = [\text{Số ký tự}] / 67$$

=> Số bản tin = Làm tròn lên (KQ)

VD: số ký tự là: 235.

$$KQ = 235 / 67 = 3.2$$

$$\Rightarrow \text{Số bản tin} = 4$$

- Quy định về cách tính bộ ký tự đặc biệt theo chuẩn GSM: Một số ký tự theo chuẩn GSM như [,], {, }, ^, ~, ... khi xuất hiện trong nội dung tin nhắn sẽ được tính là 2 ký tự, áp dụng với cả tin nhắn có dấu và không dấu.

Ví dụ: Nội dung "[TB]" có độ dài là 6 ký tự.